

Bản án số: 46/2018/HS-ST
Ngày 28 - 6 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân

Bà Nguyễn Thị Lợi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2018/TLST- HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc Q – sinh năm 1970, tại Hải Phòng. ĐKTT: Số 1/11 B, phường H, quận H1, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc P và bà Phạm Thị M (đều đã chết); vợ: Lê Thị M1; có 01 con, sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 28 tháng 12 năm 2017, tạm giam ngày 03 tháng 01 năm 2018; có mặt tại phiên tòa.

- **Người làm chứng:** Anh Lê Đức H2 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 28 tháng 12 năm 2017, tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an thành phố Hải Phòng tiến hành kiểm tra, bắt quả tang Phạm Ngọc Q đang có hành vi bán trái phép chất ma túy cho người đàn ông không rõ tên tuổi (đã chạy thoát khi Công an tiến hành kiểm tra) tại nhà trọ của Phạm Ngọc Q (địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng). Cơ

quan Công an đã thu giữ tại ví trí Quyết ngồi 02 túi nilon màu trắng, kích thước 3x3cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (mẫu 01QT); thu giữ 01 điện thoại di động Nokia màu đen xám, 01 điện thoại di động Microsoft màu đen đã qua sử dụng và số tiền 1.000.000đ.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Ngọc Q, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ: Tại nóc tủ trên gác xép 01 túi nhỏ dạng ví có khóa kéo, bên trong chứa 08 túi nilon nhỏ màu trắng đều có chứa tinh thể màu trắng (mẫu 01KX); thu giữ tại ngăn bên phải tủ đựng quần áo trên gác xép 01 túi nilon màu trắng, kích thước 5x7cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng (mẫu 02KX)

Tại kết luận giám định số 1201/KLGD ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận:

- Mẫu tinh thể (mẫu 01QT) gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 2,8597gam, là loại Methamphetamine;

- Mẫu tinh thể (mẫu 01KX) gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 4,0144gam, là loại Methamphetamine;

- Mẫu tinh thể (mẫu 02KX) gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 8,6125gam, là loại Methamphetamine.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Ngọc Q khai nhận: Khoảng 09 giờ ngày 28 tháng 12 năm 2017, bị cáo đang ở nhà thì nhận được điện thoại của người bạn tên K (không rõ lai lịch, địa chỉ) nói có khách muốn mua ma túy của bị cáo và K sẽ cho số điện thoại của bị cáo cho người đó. Khoảng 15 phút sau thì có người gọi điện, giới thiệu là bạn của K hỏi mua 03 gam ma túy đá. Bị cáo đồng ý bán cho người đó và thỏa thuận giá là 1.200.000đ. Sau đó bị cáo gọi điện cho người phụ nữ tên L (bị cáo biết L qua bạn xã hội tên là H3, cả H3 và L đều không rõ lai lịch, địa chỉ) đặt mua 03 gam ma túy đá. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, bị cáo ra hồ PG thuộc địa bàn xã Đ gặp L để lấy số ma túy đã đặt mua với giá 1.000.000đ. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, có 02 người thanh niên đến nhà bị cáo, 01 người trong số đó giới thiệu là bạn của K, lúc sáng đã gọi điện đặt mua ma túy. Khi bị cáo vừa lấy 02 túi nilon chứa ma túy đá ở túi quần đang mặc ra đặt trên ghế định bán cho người thanh niên trên thì bị lực lượng Công an vào bắt quả tang, người thanh niên mua ma túy của bị cáo thì chạy thoát. Cơ quan điều tra đã thu giữ ma túy gồm các mẫu 01QT, 01KX, 02 KX đều là ma túy đá của bị cáo, ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ điện thoại di động Nokia màu đen xám, 01 điện thoại di động Microsoft màu đen đã qua sử dụng (trong đó điện thoại di động Microsoft là điện thoại bị cáo sử dụng để giao dịch mua bán ma túy; điện thoại Nokia màu đen xám là của H3 để quên ở nhà bị cáo từ hôm trước) và số tiền 1.000.000đ. Nguồn gốc số ma túy Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét là do bị cáo đã mua của L cách đó khoảng 03 ngày hết 4.400.000đ với mục đích về sử dụng, nếu có người mua sẽ bán lại để kiếm lời. Lần bị bắt quả tang là lần đầu tiên bị cáo bán ma túy, ngoài bị cáo ra không có ai biết và cũng không có ai cùng tham gia.

Công bố lời khai người làm chứng Lê Đức H2 đã khai có nội dung như đã nêu trên và người mua ma túy bỏ chạy tên L1 (là bạn xã hội, không biết lai lịch, địa chỉ). Ngày 28 tháng 12 năm 2018, Lê Đức H2 được L2 rủ đi chơi, khi đến nhà

Q, H2 mới biết mục đích của L2 là đi mua ma túy. Hòa không tham gia vào việc mua ma túy.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Q từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ để sung vào công quỹ nhà nước

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao bì ma túy.

Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Microsoft màu đen đã qua sử dụng

Trả lại cho bị cáo số tiền 1.000.000đ và 01 điện thoại di động Nokia màu đen xám đã thu giữ trong vụ án nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án dân sự của bị cáo.

Khi nói lời nói sau cùng, bị cáo Phạm Ngọc Q đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang do Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Hải Phòng lập vào hồi

18 giờ 30 phút ngày 28 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Bản kết luận giám định số 1201/KLGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, phù hợp với lời khai người làm chứng; phù hợp với vật chứng đã được thu giữ, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Ngọc Q đã có hành vi bán trái phép Methamphetamine cho đối tượng tên L2, trọng lượng Methamphetamine là 2,8597g.

[3] Theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính Phủ thì Methamphetamine có số thứ tự 323 thuộc danh mục II - Danh mục các chất ma túy.

[4] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, gây nguy hiểm cho xã hội. Như vậy, hành vi mua bán Methamphetamine trái phép nhằm mục đích kiếm lời của bị cáo đã phạm vào tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xét tình tiết định khung hình phạt:

[5] Trọng lượng Methamphetamine bị cáo bán cho đối tượng tên L2 là 2,8597g và tổng trọng lượng Methamphetamine bị cáo Phạm Ngọc Q tàng trữ nhằm mục đích bán kiếm lời là 15,4866g nên hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm phạm tội:

[6] Tính chất vụ án là nghiêm trọng; việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy không chỉ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí lực của con người, mà từ ma túy đã làm phát sinh nhiều tội phạm khác và là một trong những nguyên nhân làm lan truyền căn bệnh HIV/AIDS, là hiểm họa đối với mọi gia đình và xã hội. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[7] Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; tỏ ra ăn năn, hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Về hình phạt bổ sung:

[9] Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 người phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ để sung vào công quỹ nhà nước. Xét hoàn cảnh gia đình, tính chất mức độ tội phạm do bị cáo thực hiện nên phạt bị cáo 10.000.000đ để sung vào công quỹ nhà nước.

- Về vật chứng, xử lý vật chứng:

[10] Trong vụ án, Cơ quan Điều tra đã thu giữ của bị cáo 15,4866g Methamphetamine, 01 điện thoại di động Nokia màu đen xám, 01 điện thoại di động Microsoft màu đen đã qua sử dụng và số tiền 1.000.000đ.

[11] Xét thấy số ma túy còn lại sau giám định thu giữ của bị cáo là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với 01 điện thoại di động Microsoft màu đen đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

[13] Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen xám theo bị cáo khai là của người bạn tên H3 nhưng chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên thuộc quyền quản lý, sử dụng của bị cáo và số tiền 1.000.000đ là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo. Nếu có tranh chấp về quyền sở hữu chiếc điện thoại trên giữa bị cáo và H3 sẽ được giải quyết theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về những vấn đề khác:

[14] Đối với nam thanh niên tên L2 mua ma túy của bị cáo đã chạy thoát, Cơ quan điều tra đã ra quyết định thu giữ thư tín, điện tín đối với số điện thoại của L2 để xác định nhân thân, lai lịch nhưng chưa có kết quả. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau.

[15] Đối với người phụ nữ tên L bán ma túy cho bị cáo, người đàn ông tên H3 giới thiệu L cho bị cáo và người đàn ông tên K là người giới thiệu L2 mua ma túy của bị cáo do chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[16] Đối với Lê Đức H2 là người được L2 rủ đi cùng nhưng không biết mục đích L2 đi mua ma túy và cũng không tham gia vào việc mua bán ma túy giữa L2 và bị cáo Phạm Ngọc Q nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với Lê Đức H2 là có căn cứ.

[17] Về án phí: Theo quy định của pháp luật bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Q 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Ngọc Q 10.000.000đ để sung vào công quỹ nhà nước

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư dán kín niêm phong, trong chứa ma túy còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói của mẫu vật gửi giám định, trên có dấu niêm phong của cơ quan giám định số 1201/PC54 và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong;

Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Microsoft màu đen đã qua sử dụng;

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Nokia màu đen xám đã qua sử dụng và 1.000.000đ đã thu giữ trong vụ án nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án dân sự của bị cáo.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện A quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Công an huyện A và Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo Phạm Ngọc Q phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân T.p Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Công an huyện A; Phòng PV 27 CATP; Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- UBND xã, phường nơi cư trú của bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch